

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU  
VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

UBND PHƯỜNG NGUYỄN DU, HBT - HÀ NỘI  
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Ngày: 21 -05- 2015  
Số chứng thực: 7135 Quyền số: 02 SCT/BS



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Trần Trung Kiên*

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

102  
C  
CH  
KI  
1/25

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Thống Nhất	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bảo Đông	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Hà	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Phương	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Vũ Đình Vận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Đông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thị Cẩm Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Ty	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trọng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Đình Vận**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang  
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787  
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 193 /VACO.BCKT.NV2

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 17/04/2015 từ trang 04 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là báo cáo tài chính).

#### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty có một số khoản nợ phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và tạm ứng tồn đọng lâu ngày và một số hàng hóa, thành phẩm, công cụ dụng cụ kém phẩm chất, không sử dụng được và chậm luân chuyển chưa được Công ty đánh giá để trích lập dự phòng đầy đủ. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2014 của Công ty.

Công ty đã ghi nhận một phần chi phí tiền thuê đất từ năm 2010 tới 2013 theo thông báo truy thu của Cơ quan thuế vào kết quả kinh doanh trong năm. Tiền thuê đất còn lại sẽ được Công ty ghi nhận vào chi phí vào năm 2015 (Trình bày tại thuyết minh số 12).

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Y kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0517-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015*

Nguyễn Phương Lan  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán 0917-2013-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>137.001.354.822</b>	<b>122.544.719.806</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.810.356.343</b>	<b>6.082.342.631</b>
1. Tiền	111		3.810.356.343	6.082.342.631
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>3.820.142.041</b>	<b>4.574.008.500</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.820.142.041	4.574.008.500
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>64.680.315.703</b>	<b>50.703.425.084</b>
1. Phải thu khách hàng	131		55.595.014.394	52.764.810.062
2. Trả trước cho người bán	132		10.293.032.748	1.560.690.550
3. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	4.112.117.320	1.936.836.043
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(5.319.848.759)	(5.558.911.571)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>60.420.247.914</b>	<b>56.922.896.293</b>
1. Hàng tồn kho	141		60.491.343.599	56.993.991.978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(71.095.685)	(71.095.685)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.270.292.821</b>	<b>4.262.047.298</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		257.889.697	190.757.978
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		550.326.495	192.969.762
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		268.746.392	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>9</b>	3.193.330.237	3.878.319.558
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>49.828.581.570</b>	<b>42.730.155.120</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>20.901.784.036</b>	<b>23.792.675.581</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>10</b>	20.501.836.117	23.575.277.481
- Nguyên giá	222		57.016.582.039	58.427.259.959
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.514.745.922)	(34.851.982.478)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>11</b>	254.947.919	-
- Nguyên giá	228		375.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.052.081)	(100.000.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		145.000.000	217.398.100
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.926.797.534</b>	<b>18.937.479.539</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>12</b>	3.930.938.886	2.836.666.024
2. Tài sản dài hạn khác	268	<b>13</b>	24.995.858.648	16.100.813.515
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>186.829.936.392</b>	<b>165.274.874.926</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>152.445.252.685</b>	<b>130.230.155.379</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>125.294.179.997</b>	<b>109.421.445.185</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	18.330.555.086	10.981.883.581
2. Phải trả người bán	312		15.267.825.672	14.525.013.023
3. Người mua trả tiền trước	313		10.388.913.266	639.893.410
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.493.221.988	4.648.002.237
5. Phải trả người lao động	315		5.482.315.756	2.756.395.017
6. Chi phí phải trả	316		158.579.605	2.158.450.837
7. Phải trả nội bộ	317	16	54.992.642.082	59.771.450.770
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	16.048.245.558	13.835.840.497
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		131.880.984	104.515.813
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.151.072.688</b>	<b>20.808.710.194</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	18	25.132.986.361	16.802.570.778
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.018.086.327	4.006.139.416
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>34.384.683.707</b>	<b>35.044.719.547</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>34.384.683.707</b>	<b>35.044.719.547</b>
1. Vốn điều lệ	411		31.235.900.519	31.235.900.519
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.600.000	16.600.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.028.756.588	1.028.756.588
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		528.469.822	528.469.822
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.574.956.778	2.234.992.618
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>186.829.936.392</b>	<b>165.274.874.926</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại	USD		2.096,79	2.063,23
	EUR		4.763,28	4.769,59



**Vũ Đình Vận**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

**Phan Thị Cẩm Vân**  
Kế toán trưởng

**Trần Mạnh Thuận**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2014	Năm 2013
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		185.821.400.398	199.206.053.901
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		415.578.766	235.430.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	185.405.821.632	198.970.622.988
4. Giá vốn hàng bán	11	21	148.381.716.661	162.200.955.845
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.024.104.971	36.769.667.143
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	624.206.540	780.744.225
7. Chi phí tài chính	22	24	1.375.562.660	1.892.582.076
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.257.324.099	1.482.654.493
8. Chi phí bán hàng	24	25	14.921.556.307	16.170.308.885
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	20.357.519.972	18.022.733.432
10. Lãi/ (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		993.672.572	1.464.786.975
11. Thu nhập khác	31		1.630.544.632	1.787.133.783
12. Chi phí khác	32		562.467.478	271.064.182
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40	27	1.068.077.154	1.516.069.601
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.061.749.726	2.980.856.576
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	486.792.948	745.863.958
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.574.956.778	2.234.992.618
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	504	716



Vũ Đình Vận  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

Phan Thị Cẩm Vân  
Kế toán trưởng

Trần Mạnh Thuận  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	181.377.147.791	196.778.336.363
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(140.400.050.757)	(164.300.460.215)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(22.962.536.652)	(27.557.701.991)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(952.753.991)	(1.437.706.966)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(922.950.634)	(589.588.079)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	52.869.168.275	84.846.202.721
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	7	(75.725.232.438)	(81.723.313.871)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(6.717.208.406)</b>	<b>6.015.767.962</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(408.153.845)	(776.356.235)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.544.207.863	200.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	253.377.867	700.543.643
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>2.389.431.885</b>	<b>2.624.369.226</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	30.988.992.036	18.261.017.083
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(23.640.320.531)	(28.764.709.468)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.292.881.272)	(1.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>2.055.790.233</b>	<b>(11.503.692.385)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>(2.271.986.288)</b>	<b>(2.863.555.197)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>6.082.342.631</b>	<b>8.945.897.828</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.668.435)	18.718.577
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>3.810.356.343</b>	<b>6.082.342.631</b>



**Vũ Đình Vận**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

*[Signature]*  
**Phan Thị Cẩm Vân**  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
**Trần Mạnh Thuận**  
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư thiết bị Đường sắt là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xuất nhập khẩu cung ứng vật tư thiết bị đường sắt (đơn vị thành viên của Đường sắt Việt Nam) theo Quyết định số 3849/QĐ-BGTVT ngày 9/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103008279 đăng ký lần đầu ngày 17/06/2005 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ năm, vốn điều lệ của Công ty là 31.252.500.519 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Đường sắt Việt Nam.

Các cổ đông sáng lập của Công ty bao gồm:

<u>Danh sách cổ đông sáng lập</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị cổ phần (VND)</u>
Đường sắt Việt Nam	1.599.050	15.990.500.000
Các cổ đông khác	1.526.200	15.262.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.125.250</b>	<b>31.252.500.000</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 353 người (năm 2013: 379 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Sản xuất và mua bán vật tư, trang thiết bị chuyên ngành đường sắt; Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm gỗ, tre, nứa; Sản xuất các sản phẩm từ kim loại; Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường); Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Phiên dịch, dịch vụ dịch thuật; Sản xuất các sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại, bột can xít nước; Sản xuất Bentonite; Dịch vụ tầm quất, đầm lũng, xông hơi (không bao gồm xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền), xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt); Xuất khẩu lao động; Đào tạo ngoại ngữ và giáo dục định hướng cho người lao động trước khi đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép); Dịch vụ tuyển dụng lao động trong nước.

Hoạt động chính của Công ty là: Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế; Sản xuất và mua bán vật tư, trang thiết bị chuyên ngành đường sắt.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 132 đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Công ty có các đơn vị, hạch toán phụ thuộc như sau:

- Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Đông Anh.
- Xí nghiệp Cơ khí Đông Anh.
- Xí nghiệp Vật tư Tổng hợp Vinh.
- Xí nghiệp Vật tư và Dịch vụ Thanh Hóa.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Vật tư thiết bị đường sắt tại Lào Cai.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Vật tư Thiết bị đường sắt tại Lạng Sơn.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần XNK Vật tư Thiết bị đường sắt tại Hải Phòng.
- Trung tâm phát triển việc làm và xuất khẩu lao động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Đường sắt Việt Nam.
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng.

**Phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Nhà xưởng, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc, thiết bị	06 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 11
Tài sản cố định khác	03 - 05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý hồ sơ lao động, được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế khấu hao trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên cơ sở số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được trích lập các quỹ và phân phối cho các cổ đông theo điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

1546

ÔNG  
THIỆ  
EM  
A  
A

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

556  
T  
HỮ  
TOÁ  
CC  
TP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.093.864.163	2.090.615.453
Tiền gửi ngân hàng	2.716.492.180	3.991.727.178
<b>Cộng</b>	<b>3.810.356.343</b>	<b>6.082.342.631</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	3.820.142.041	4.574.008.500
<b>Cộng</b>	<b>3.820.142.041</b>	<b>4.574.008.500</b>

Ghi chú: (i) Đầu tư ngắn hạn khác thể hiện hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn từ trên ba tháng đến một năm.**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu do thuyền viên vi phạm hợp đồng (Bao gồm cả chi phí về nước chưa thu lại từ lương thuyền viên)	1.966.413.132	533.236.598
Phải thu ứng trước lương Thuyền viên, tiền bảo hiểm tai nạn thuyền viên	163.739.770	511.848.264
Chi phí chế tạo ghi cho ĐSVN	-	247.647.913
Chi phí thu hồi DA Hạ Long - Cái Lân	-	114.036.364
Các khoản phải thu khác	1.981.964.418	530.066.904
<b>Cộng</b>	<b>4.112.117.320</b>	<b>1.936.836.043</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	517.866.200	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.060.293.828	4.059.105.145
Công cụ, dụng cụ	53.659.563	52.477.201
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.920.846.995	5.907.690.551
Thành phẩm	12.056.113.469	11.944.802.955
Hàng hóa	33.882.563.544	35.029.916.126
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>60.491.343.599</b>	<b>56.993.991.978</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(71.095.685)	(71.095.685)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>60.420.247.914</b>	<b>56.922.896.293</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	7.082.286	-
Tạm ứng	2.320.960.951	3.878.319.558
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	865.287.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.193.330.237</b>	<b>3.878.319.558</b>

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09-DN**

**TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	33.418.844.857	17.371.596.055	6.295.870.666	1.244.344.041	96.604.340	58.427.259.959
Mua trong năm	39.829.275	129.743.400	-	81.490.000	-	251.062.675
Chuyển từ xây dựng cơ bản	666.413.117	49.925.000	-	-	-	716.338.117
Tặng khác	-	-	-	18.409.091	-	18.409.091
Thanh lý, nhượng bán	(856.442.890)	(671.396.861)	(226.416.904)	-	-	(1.754.256.655)
Giảm khác	(427.140.970)	(18.409.091)	-	(196.681.087)	-	(642.231.148)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>32.841.503.389</b>	<b>16.861.458.503</b>	<b>6.069.453.762</b>	<b>1.147.562.045</b>	<b>96.604.340</b>	<b>57.016.582.039</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2014	18.768.596.188	11.367.193.576	3.896.240.650	723.347.724	96.604.340	34.851.982.478
Khấu hao trong năm	1.539.426.779	981.607.230	556.445.145	98.463.449	-	3.175.942.603
Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(727.296.710)	(539.193.782)	(226.416.904)	-	-	(1.492.907.396)
Giảm khác	(15.327.342)	(4.944.421)	-	-	-	(20.271.763)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>19.565.398.915</b>	<b>11.804.662.603</b>	<b>4.226.268.891</b>	<b>821.811.173</b>	<b>96.604.340</b>	<b>36.514.745.922</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2014	14.650.248.669	6.004.402.479	2.399.630.016	520.996.317	-	23.575.277.481
Tại ngày 31/12/2014	13.276.104.474	5.056.795.900	1.843.184.871	325.750.872	-	20.501.836.117

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 16.314.876.943 VND (31 tháng 12 năm 2013: 17.424.585.859 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định dùng để đảm bảo, thế chấp cho các khoản vay là 5.873.331.454 VND.





**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng  
Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	100.000.000	100.000.000
- Mua trong năm	275.000.000	275.000.000
Tại ngày 31/12/2014	<b>375.000.000</b>	<b>375.000.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2014	100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong năm	20.052.081	20.052.081
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<b>120.052.081</b>	<b>120.052.081</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2014	-	-
Tại ngày 31/12/2014	<b>254.947.919</b>	<b>254.947.919</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.836.666.024	2.028.996.358
Tăng	4.394.430.166	2.951.955.999
Phân bổ vào chi phí trong năm	(3.300.157.304)	(2.144.286.333)
Tại ngày 31 tháng 12	<b>3.930.938.886</b>	<b>2.836.666.024</b>

Chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2014 bao gồm tiền thuê đất bị truy thu năm từ năm 2010 đến năm 2013 chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm là 2.915.445.336 VND. Ban Giám đốc Công ty quyết định sẽ phân bổ chi phí phát sinh bổ sung này vào năm 2015.

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	24.995.858.648	16.100.813.515
	<b>24.995.858.648</b>	<b>16.100.813.515</b>

Tiền ký cược, ký quỹ dài hạn thể hiện số tiền nhận ký quỹ của người lao động được đưa đi làm việc tại nước ngoài.

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng (i)	5.959.408.404	2.672.109.082
Vay cá nhân (ii)	12.371.146.682	8.309.774.499
<b>Cộng</b>	<b>18.330.555.086</b>	<b>10.981.883.581</b>

**Ghi chú:**

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng bao gồm các khoản vay sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp - CN Đông Anh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 3140-LAV-201305711 ngày 31/10/2013 và hợp đồng 3140-LAV-2014.06365 ngày 29/10/2014, giải ngân thành từng đợt, thời hạn vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa không quá 12 tháng, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, lãi thực tế áp dụng trong năm 2014 là từ 9% đến 10,5%. Cam kết đảm bảo bằng máy móc thiết bị, 16.859m<sup>2</sup> đất của xí nghiệp, tài khoản tiền gửi tiết kiệm, hàng tồn kho và các khoản phải thu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh Đông Anh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 3140-LAV-201407113 ngày 02/12/2014, tổng hạn mức vay là 2 tỷ đồng, mục đích vay là kinh doanh vật liệu xây dựng và các chi phí cần thiết khác phục vụ cho kế hoạch kinh doanh năm 2014-2015, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn từ 9%-10%/năm, tài sản đảm bảo của cá nhân, máy móc thiết bị, đất đai của Xí nghiệp.
  - Vay ngắn hạn Ngân hàng ngoại thương theo Hợp đồng tín dụng số KH 140009 ngày 04/08/2014, thời hạn vay 7 tháng, lãi suất 10%/năm, tài sản đảm bảo là tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty.
- (ii) Các khoản vay cá nhân có thời hạn dưới một năm với lãi suất từ 10%/năm đến 18%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	653.575.585	445.598.235
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	158.336.294
Thuế thu nhập cá nhân	96.872.976	259.595.753
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.649.633.531	3.724.342.875
Các loại thuế khác	93.139.896	23.598.980
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	36.530.100
<b>Cộng</b>	<b>4.493.221.988</b>	<b>4.648.002.237</b>

**16. PHẢI TRẢ NỘI BỘ**

Là khoản phải trả cho Đường sắt Việt Nam liên quan đến chi phí phải trả trước cổ phần hóa, tiền cổ tức phải trả và các chi phí khác.

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	171.485.052	210.585.062
Phải trả về BHXH, BHYT, BHTN	334.538.117	403.823.783
Phải trả về cổ phần hóa (*)	7.900.000.000	9.668.587.049
Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động nộp để đăng ký tham gia đi XKLD	1.296.517.092	-
Tiền lương thuyền viên chưa thanh toán cho người nhà và chưa bù vào các khoản phải thu của thuyền viên	1.993.912.132	-
Tiền phạt HĐ phải trả cho môi giới Nhật Bản (sẽ trả khi có TNS mới)	801.945.000	801.945.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.549.848.165	2.750.899.603
<b>Cộng</b>	<b>16.048.245.558</b>	<b>13.835.840.497</b>

Ghi chú: (\*) Phải trả về cổ phần hóa là các khoản phải trả cho Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp về giá trị tài sản trước thời điểm cổ phần hóa do Công ty bán hộ.

**18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác bao gồm các khoản tiền nhận ký cược, ký quỹ của người lao động, Công ty làm dịch vụ đưa người lao động ra nước ngoài làm việc và các khoản nhận đặt cọc dài hạn khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng  
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*c thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	31.235.900.519	16.600.000	528.469.822	-	2.238.035.938	34.038.178.090					
Lãi trong năm	-	-	-	-	2.234.992.618	2.234.992.618					
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	1.028.756.588	978.395.688					
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(2.187.675.038)					
Giảm khác	-	-	-	-	-	(19.171.811)					
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	31.235.900.519	16.600.000	528.469.822	-	1.028.756.588	35.044.719.547					
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	1.574.956.778					
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	-	(2.234.992.618)					
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	31.235.900.519	16.600.000	528.469.822	-	1.028.756.588	34.384.683.707					

Ghi chú: (i) Phân phối lợi nhuận năm 2013 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 286/NQ.VTTB.HĐQT ngày 13/05/2014, trong đó trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 203.580.084 VND, chi trả cổ tức là 2.031.412.534 VND.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ năm, vốn điều lệ của Công ty là 31.252.500.519 VND. Số vốn này đã bao gồm phần thặng dư vốn cổ phần với số tiền là 16.600.000 VND. Tại ngày 31/12/2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

Tên cổ đông	Vốn đã góp			
	31/12/2014	01/01/2014		
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Đường sắt Việt Nam	15.973.900.519	51%	15.973.900.519	51%
Cổ đông khác	15.262.000.000	49%	15.262.000.000	49%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.235.900.519</b>	<b>100%</b>	<b>31.235.900.519</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐƯỜNG SẮT**

Số 132, đường Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng

Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau

	Năm 2014	Năm 2013
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.125.250	3.125.250 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.123.590	3.123.590 cổ phiếu
- Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành ở thời điểm cuối năm	3.123.590	3.123.590 cổ phiếu

**20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>185.821.400.398</b>	<b>199.206.053.901</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng hóa	97.485.008.100	93.882.940.520
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.209.648.043	23.722.347.506
- Doanh thu bán thành phẩm	61.544.244.260	70.603.111.158
- Doanh thu nội bộ	8.813.928.203	10.997.654.717
- Doanh thu khác	768.571.792	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>415.578.766</b>	<b>235.430.913</b>
Trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	-	221.290.000
- Giảm giá hàng bán	137.885.222	14.140.913
- Chiết khấu thương mại	277.693.544	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>185.405.821.632</b>	<b>198.970.622.988</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	70.909.764.686	80.885.624.142
Giá vốn sản phẩm đã bán	64.855.206.990	63.414.417.202
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.308.025.359	9.718.752.172
Giá vốn hàng bán nội bộ	7.308.719.626	8.229.435.301
Hoàn nhập Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	-	(47.272.972)
<b>Cộng</b>	<b>148.381.716.661</b>	<b>162.200.955.845</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.867.935.040	58.344.355.920
Chi phí nhân công	28.589.735.436	27.134.561.914
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.941.720.955	3.086.580.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.401.443.363	14.098.041.113
Chi phí khác	9.821.640.627	9.529.801.731
<b>Cộng</b>	<b>107.622.475.421</b>	<b>112.193.340.758</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	462.329.262	617.144.066
Cổ tức, lợi nhuận được chia	134.200.000	143.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.651.835	1.481.582
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.025.443	18.718.577
<b>Cộng</b>	<b>624.206.540</b>	<b>780.744.225</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	1.257.324.099	1.482.654.493
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	118.238.561	287.451.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	122.476.139
<b>Cộng</b>	<b>1.375.562.660</b>	<b>1.892.582.076</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.223.067	282.753.441
Chi phí nhân công	7.435.510.439	8.677.960.222
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.537.500	189.293.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.068.322.363	4.022.935.843
Chi phí khác	2.189.962.938	2.997.366.154
<b>Cộng</b>	<b>14.921.556.307</b>	<b>16.170.308.885</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	460.745.580	209.242.845
Chi phí nhân công	10.067.185.058	7.424.707.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.822.664.265	1.570.424.818
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.888.842.439	5.145.502.851
Chi phí khác	4.118.082.630	3.672.855.091
<b>Cộng</b>	<b>20.357.519.972</b>	<b>18.022.733.432</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.327.172.727	200.181.818
Tiền thu từ các khoản nợ phải trả hạch toán nhầm	-	1.032.694.001
Thu nhập khác	303.371.905	554.257.964
<b>Thu nhập khác</b>	<b>1.630.544.632</b>	<b>1.787.133.783</b>
Chi phí khấu hao tài sản cố định sử dụng sai mục đích	-	93.381.396
Tiền nộp Phạt thuế, truy nộp thuế	-	69.726.865
Chi phí thanh lý tài sản cố định	155.354.695	31.683.530
Chi phí khác	407.112.783	76.272.391
<b>Chi phí khác</b>	<b>562.467.478</b>	<b>271.064.182</b>
<b>Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.068.077.154</b>	<b>1.516.069.601</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2.061.749.726</b>	<b>2.980.856.576</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>150.945.492</b>	<b>2.599.256</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(134.200.000)	(143.400.000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	285.145.492	145.999.256
<b>Lợi nhuận sau điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.212.695.218</b>	<b>2.983.455.832</b>
Thuế suất thông thường	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>486.792.948</b>	<b>745.863.958</b>
Thuế suất hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>486.792.948</b>	<b>745.863.958</b>

Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.574.956.778</b>	<b>2.234.992.618</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.123.590	3.123.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	504	716
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

**Hệ số đòn bẩy**

	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	18.330.555.086	10.981.883.581
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(3.810.356.343)	(6.082.342.631)
Nợ thuần	14.520.198.743	4.899.540.950
Vốn chủ sở hữu	31.235.900.519	31.235.900.519

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.810.356.343	6.082.342.631
Các khoản phải thu ngắn hạn	64.680.315.703	50.703.425.084
Tài sản ngắn hạn khác	3.193.330.237	3.878.319.558
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	24.995.858.648	16.100.813.515
<b>Cộng</b>	<b>96.679.860.931</b>	<b>76.764.900.788</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	18.330.555.086	10.981.883.581
Phải trả người bán và phải trả khác	31.316.071.230	28.360.853.520
Chi phí phải trả	158.579.605	2.158.450.837
<b>Cộng</b>	<b>49.805.205.921</b>	<b>41.501.187.938</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không phát sinh các khoản vay, tiền gửi có giá trị lớn theo đó, Công ty không đánh giá ảnh hưởng của rủi ro thị trường liên quan đến lãi suất; các rủi ro liên quan đến tỷ giá hối đoái, Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa***

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.810.356.343	-	3.810.356.343
Các khoản phải thu ngắn hạn	64.680.315.703	-	64.680.315.703
Tài sản ngắn hạn khác	3.193.330.237	-	3.193.330.237
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	24.995.858.648	-	24.995.858.648
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>96.679.860.931</b>	<b>-</b>	<b>96.679.860.931</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>			
Vay ngắn hạn	18.330.555.086	-	18.330.555.086
Phải trả người bán và phải trả khác	31.316.071.230	-	31.316.071.230
Chi phí phải trả	158.579.605	-	158.579.605
<b>Tổng nợ tài chính</b>	<b>49.805.205.921</b>	<b>-</b>	<b>49.805.205.921</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>46.874.655.010</b>	<b>-</b>	<b>46.874.655.010</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.082.342.631	-	6.082.342.631
Các khoản phải thu ngắn hạn	50.703.425.084		50.703.425.084
Tài sản ngắn hạn khác	3.878.319.558		3.878.319.558
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	16.100.813.515	-	16.100.813.515
<b>Tổng tài sản tài chính</b>	<b>76.764.900.788</b>	<b>-</b>	<b>76.764.900.788</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>			
Vay ngắn hạn	10.981.883.581	-	10.981.883.581
Phải trả người bán và phải trả khác	28.360.853.520	-	28.360.853.520
Chi phí phải trả	2.158.450.837	-	2.158.450.837
<b>Tổng nợ tài chính</b>	<b>41.501.187.938</b>	<b>-</b>	<b>41.501.187.938</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>35.263.712.850</b>	<b>-</b>	<b>35.263.712.850</b>

Mức chênh lệch thanh khoản ròng của Công ty đều dương chứng tỏ khả năng thanh khoản của Công ty được đánh giá khá tốt. Tuy nhiên, Công ty đã thực hiện giám sát rủi ro về thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

*Giao dịch với bên liên quan:*

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Đường sắt Việt Nam</b>		
Thanh toán cổ tức	4.444.736.222	1.000.000.000

*Số dư với các bên liên quan:*

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đường sắt Việt Nam</b>		
Phải trả nội bộ	54.992.642.082	59.771.450.770

*Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị*

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lương Ban Giám đốc, thù lao Hội đồng Quản trị	922.103.536	783.347.890
<b>Cộng</b>	<b>922.103.536</b>	<b>783.347.890</b>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**33. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán.



\_\_\_\_\_  
**Vũ Đình Vận**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2015

\_\_\_\_\_  
**Phan Thị Cẩm Vân**  
**Kế toán trưởng**

\_\_\_\_\_  
**Trần Mạnh Thuận**  
**Người lập**

